

Giới và quan hệ giới ở nông thôn châu Âu qua tạp chí Sociologia Ruralis

Phạm Văn Bích

Viện Xã hội học

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu hai nghiên cứu (bằng những phương pháp còn xa lạ với các học giả Việt Nam) về quan hệ giới trong bối cảnh biến đổi và hiện đại hóa kỹ thuật trong nông nghiệp và nông thôn châu Âu. Thông qua đó bài viết cũng nêu ra cách xử lý nhiều vấn đề có ý nghĩa lý thuyết của hai nghiên cứu ấy – một điều cũng ít khi thấy ở các nghiên cứu của Việt Nam.

Từ khóa: Giới; Giới và hiện đại hóa nông nghiệp; Quan hệ giới ở nông thôn châu Âu.

Nhiều người thường cho rằng ở các nước công nghiệp, nơi vị thế con người được xác định theo thành tích, nhất là về học vấn và sự am hiểu kỹ thuật của họ hơn là những đặc điểm gắn sẵn truyền thống như sắc tộc hay giới (Scott and Marshall, 2005:303), thì quan hệ giới thay đổi mạnh mẽ và vị thế phụ nữ được nâng cao rất nhiều. Châu Âu là lục địa mà sản xuất nông nghiệp đang biến đổi sâu sắc, thể hiện qua sự hiện đại hóa mạnh mẽ các công cụ sản xuất, áp dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật và công nghệ, nâng cao năng suất lao động và sự thu hẹp đáng kể số lượng cư dân làm nông nghiệp v.v.. Người ta dễ có ấn tượng rằng những thay đổi ấy đã và đang biến thiên sâu sắc quan hệ giới ở nông thôn. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu của xã hội học nông thôn châu Âu cho thấy tình hình không đơn giản và một chiều như vậy.

Bài viết này xin giới thiệu một số nghiên cứu về vài khía cạnh trong quan hệ giới ở nông thôn châu Âu đăng trên tạp chí “*Sociologia ruralis*” (Xã hội học nông thôn) của Hiệp hội Xã hội học nông thôn châu Âu.

1. Hiện đại hóa nông nghiệp và vị thế phụ nữ ở nông thôn

Nhằm tìm hiểu về sự hiện đại hóa nền văn hóa nông dân và vị thế phụ nữ ở Phần Lan, một nhà nghiên cứu là Tiina Silvasti đã tiến hành một cuộc khảo sát có kết hợp nhiều phương pháp thu thập thông tin và nguồn dữ liệu khác nhau. Cụ thể là tác giả đã gặp 18 người (10 nam và 8 nữ) để đề nghị họ tự kể chuyện đời mình; đồng thời tác giả cũng sử dụng 25 văn bản tiểu sử tự thuật (của 17 nữ và 8 nam) gửi tham gia cuộc thi viết do Cơ quan Lưu trữ Dân gian thuộc Hội Văn học Phần Lan và Liên đoàn Vì nền giáo dục nông thôn phối hợp tổ chức năm 1997. Tất cả các bản tiểu sử tự thuật đều là của những chủ nông trại thực thụ, vợ họ hoặc của phụ nữ chuyên nghề canh nông, tuổi từ 26 đến 65. Còn cuộc thi viết thì được dành cho nhà nông với tiêu đề “*Từ trái tim đất đai*”. Các cây bút dự thi được phép tự do chọn chủ đề của mình, mặc dù thể lệ cuộc thi có hướng dẫn những chủ đề nhất định: cụ thể là cuộc đời người chủ nông trại hay vợ chủ trang trại.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều nông dân vẫn theo lối sống truyền thống mà một phần cơ bản của nó là chuẩn mực mang tính văn hóa về sự tiếp nối nông trại gia đình. Theo truyền thống, con trai là người thừa kế trang trại. Vì thế, các chủ trang trại thường cố gắng xã hội hóa một trong những con trai của họ thành người thừa kế, còn các con khác, cả trai lẫn gái, đều chuẩn bị để rời gia đình. Khi việc quản lý trang trại và phần lớn việc đồng cày máy móc được coi là công việc của nam giới, do nam giới đảm nhận, thì con gái trong nhà không dễ gì phát triển năng lực quản lý nông trại. Thường họ được khuyến khích tìm nghề khác, và vì thế nên khi rời nhà bố mẹ đẻ và rời đồng quê, họ hiếm khi quay trở lại và kết hôn với con trai các chủ nông trại khác. Do đó, mặc dù luật thừa kế là bình đẳng, nhưng trong thực tế cách thức duy nhất để trở thành một phụ nữ nhà nông là kết hôn với một chủ nông trại, còn việc tự mình trở thành một nhà nông càng khó khăn hơn.

Câu chuyện đời sau đây của hai phụ nữ sẽ cho thấy tác động của hiện đại hóa đến quan hệ giới trong nông nghiệp và sức mạnh của truyền thống.

Một nữ nông dân

Jaana 28 tuổi là con gái của một gia đình canh nông. Chị có một anh trai, nhưng người anh ốm đau bệnh tật, không thể đảm nhiệm vai trò thừa kế. Vì thế cha mẹ chị không còn lựa chọn nào khác ngoài chị làm người

kế nghiệp. Họ có ý thức rèn luyện chị để đảm nhiệm vai trò này, và gọi chị là “*isanta*” (tiếng Phần Lan nghĩa là “chủ trang trại”, và hàm ý rất rõ một vị thế chỉ dành cho nam giới), chứ không phải “*emanta*” (“vợ chủ trang trại”). Ban đầu Jaana nghĩ việc cha mẹ gọi chị như vậy là đùa. Nhưng chị đã nhập tâm vai trò không chỉ của người thừa kế, mà cả của “*isanta*”, và bây giờ chị tự coi mình là chủ trang trại. Bằng việc tự gọi mình là “*isanta*”, chị không đùa. Chị muốn vạch rõ rằng chị là người vận hành trang trại và thực sự làm công việc nhà nông. Chị là người quản lý. Chị sẽ không trở thành “*emanta*” kể cả sau khi kết hôn, vì chị vẫn sẽ nắm quyền kiểm soát những nhiệm vụ then chốt, những điều biến chị thành “*isanta*”. “Bằng một cách đây ý nghĩa, chị đã tách giới ra khỏi vai trò nghề nghiệp mà theo truyền thống xưa nay vẫn gắn chặt với giới. Với chị, làm một “*isanta*” là một nghề không phụ thuộc vào giới” (Silvasti, 2003:158).

Tuy nhiên, điều lý thú ở trường hợp Jaana là dù có sự thiết kế lại các vai trò nghề nghiệp và giới trong sự phân công lao động, song chị vẫn có một quan niệm mang đậm tính truyền thống về vai trò giới trong gia đình canh nông nói chung. Khi được hỏi về vai trò của nam và nữ, chị nói: “Về nguyên tắc, theo bản tính của mình, phụ nữ nên ... chăm sóc việc nhà và đại loại thế...” (Silvasti, 2003:158).

Mặc dù vậy, Jaana không coi các phạm trù giới là cố định mặc dù vốn xưa nay chúng mang tính chất tĩnh tại và cứng nhắc. Thay vào đó, chị đã tích cực kiến tạo một mô hình phân công lao động sao cho thích hợp với mục đích của mình. Mô hình của chị cùng một lúc vừa bao gồm cả nữ tính lẫn vai trò “*isanta*”.

Như tác giả đã phân tích rất hay, bằng việc tiến hành sự lựa chọn đặc biệt, chị đang uốn cong - chứ không phá vỡ - những kỳ vọng văn hóa do truyền thống quy định. Điều quan trọng nhất và sống còn đối với nông dân (tức là đòi hỏi về sự tiếp nối nghề nông gia đình) đã được thực thi bằng cách thay đổi ranh giới sự phân công lao động nam nữ. “Điều này có nghĩa là lối sống nông dân không biến mất trong quá trình hiện đại hóa. Thay vào đó, các kịch bản văn hóa vốn đang giữ vai trò sắp xếp lối sống đã được tạo dựng lại để dung hòa với lý tưởng về bình đẳng giữa hai giới cũng như giữa các thế hệ” (Silvasti, 2003:159).

Isanta và nỗi khổ của người phụ nữ

Vì đã nhập tâm quan niệm về sự tiếp nối gia đình, Ann, một phụ nữ khác, nắm quyền vận hành trang trại nuôi cừu của gia đình khi chị 24 tuổi. Ban đầu chị rất hào hứng và đẩy áp các kế hoạch, các dự định, nhưng sau một thời gian, những lễ thói quen thuộc hàng ngày đã khiến cho cuộc sống

của chị trở nên khó khăn và chị dần dà mất đi khách hàng của mình. Sau khởi đầu lạc quan, chị cảm thấy mình là người lạ ở chính môi trường của mình, và trong bối cảnh ấy, chị đứng là xa lạ. Mặc dù chị sở hữu tư liệu sản xuất (một điều đã khiến chị trở thành chủ trang trại), nhưng về mặt văn hóa, người ta tin rằng chị vừa không đáng tin cậy vừa không thông thạo. Theo con mắt nông dân, chị thiếu đi một điều cơ bản, một phẩm chất quan trọng cần thiết để hợp thức hóa vị trí của chị. Và mấu chốt của mọi điều chính là giới của chị; chính giới tính của Ann đã gây ra những rắc rối trong công cuộc làm ăn buôn bán của chị.

Chị kể: “Khi người lạ đến thăm nông trại, họ thường đòi gặp *“isanta”*. Ví dụ mùa hè năm ngoái, một cặp vợ chồng lái xe ghé vào nông trại, và sau khi bắt tay tôi, họ hỏi rằng người đàn ông đang đánh rơm có phải *“isanta”* không. Tôi trả lời, “không, anh ấy là người làm thuê ở đây”. Khi nhìn thấy bạn trai tôi (tức chồng – cách gọi của người Phần Lan, nơi tình trạng chung sống không kết hôn rất phổ biến – PVB), vốn làm nghề khác, đang bước tới từ một hướng khác, họ thở phào nhẹ nhõm nói “A, đây, ông *“isanta”* đang đến đây rồi”. Tôi luôn luôn giận dữ và chán ngán vì công việc của tôi không được sự tôn trọng xứng đáng, mà người ta chỉ muốn tìm ai đáp ứng được hình ảnh của họ về chủ trang trại, và đó phải là nam giới. Dù nam giới đó là cha tôi, hay một người làm thuê hay bạn trai tôi, điều đó không quan trọng” (Silvasti, 2003:161).

Những khó khăn kinh tế, những vấn đề về làm chủ trang trại, cảm giác là người ngoài và kẻ xa lạ trong môi trường nghề nghiệp của mình đã gây ra nhiều khó khăn về tâm lý cho Ann. Rút cục chị phải từ bỏ việc nuôi cừu và đồng thời từ bỏ ước mơ kế tục trang trại gia đình. Như lời chị, “nguyên nhân là ở chỗ tôi đã trở thành một *“isanta”*. Tôi nghĩ khách hàng cho rằng một phụ nữ trẻ xinh chẳng khiến ai tin tưởng trong công việc kinh doanh chăn nuôi cừu. Tôi tin rằng giá tôi là nam giới, khách hàng sẽ tin ở kỹ năng nghề nghiệp của tôi nhiều hơn, và công việc buôn bán sẽ tốt hơn” (Silvasti, 2003:160).

Như vậy, những gì xảy ra với Ann không chỉ là vấn đề về vị trí xã hội hay quyền làm chủ, chẳng phải quan hệ kinh tế mà cũng chẳng phải sở hữu, mà còn là vấn đề cơ thể con người, tâm vóc và hình thức của nó. Vì thế và chính theo nghĩa đó, nhà nghiên cứu Silvastri cho rằng có hai hệ tư tưởng đang giành giật nhau ở nông thôn Phần Lan: hệ tư tưởng truyền thống trong đó vai trò người thừa kế nông trại chỉ dành cho con trai, và hệ tư tưởng hiện đại vốn nhấn mạnh bình đẳng giữa hai giới nam và nữ. Tác giả gọi hệ tư tưởng hiện đại bằng thuật ngữ “nền chính trị cuộc sống”, và

đặt tên hệ tư tưởng truyền thống là “nền chính trị cơ thể”. “Có thể mô tả quá trình như là sự gặp gỡ của hai loại chính trị: chính trị cuộc sống và chính trị cơ thể. Cả hai nền chính trị đều có thể và thích hợp làm công cụ phân tích để khảo sát sự thay đổi cả trong lối sống lẫn trong kịch bản văn hóa vốn đang giữ vai trò tổ chức lối sống. Trong phạm vi của nghiên cứu này, ít nhất nền chính trị cuộc sống vẫn chưa vượt qua được nền chính trị về cơ thể. Ngay dù gia đình của chính mình ủng hộ, thì điều đó vẫn chưa đủ cho một người con gái nắm quyền làm chủ trang trại. Vẫn còn có thể xảy ra khả năng rằng cuộc sống một người thừa kế nữ bị quy định nhiều hơn bởi nền chính trị cơ thể hơn là nền chính trị cuộc sống” (Silvasti, 2003:163).

Câu chuyện về nỗi đau khổ của Ann cho thấy những nỗ lực để cùng tồn tại giữa truyền thống văn hóa và cá nhân hiện đại. Tuy nhiên, cộng đồng xung quanh Ann chưa đủ thay đổi để biến chuyển mô hình. Họ vẫn sống theo một truyền thống vốn không thực sự thừa nhận một phụ nữ nuôi cừu chẳng hạn. Theo truyền thống này, nam giới phải thống lĩnh, kể cả khi phụ nữ là chủ. Mô hình nam giới là chủ khiến cho vị thế của phụ nữ chủ nông trại trở nên khó khăn. Mô tả việc canh tác gia đình như một bãi chiến trường về hệ tư tưởng giữa truyền thống và hiện đại, tác giả cho rằng: “Các thành viên gia đình canh nông đang vật lộn để tìm ra cách kết hợp những gì tốt đẹp nhất của lối sống nông dân truyền thống với chủ nghĩa cá nhân hiện đại” (Silvasti, 2003:162).

Tóm lại, các bản tiểu sử tự thuật của các chủ trang trại cho thấy: rõ ràng rằng lối sống truyền thống của nông dân không mất đi, và sự biến đổi, tái thiết nông nghiệp không phá bỏ truyền thống. Thay vào đó, dưới sức ép của các chuẩn mực, giá trị và đạo đức đang thay đổi, truyền thống đã được xét lại và chỉnh sửa. Ngay thế hệ trẻ cũng chấp nhận kịch bản truyền thống về phân công lao động theo giới; cái mới mẻ là họ không coi nó là điều đã ấn định, mà chỉ xem là nó khuôn khổ cho sự tìm tòi và lựa chọn cá nhân. “Nói cách khác, họ đang xây dựng (lại) lối sống nông dân” (Silvasti, 2003:163).

2. Phải chăng người phụ nữ đang cam chịu bị gạt ra bên lề sản xuất nông nghiệp?

Một cuộc nghiên cứu định tính được nhà xã hội học Lise Saugeres tiến hành ở Rignac, một thị trấn với 1.762 cư dân thuộc khu vực Aveyon miền Nam nước Pháp, nhằm tìm hiểu cách thức mà nam và nữ tái tạo quan hệ giới trong gia đình nhà nông trong bối cảnh những biến đổi đang diễn ra ở nền nông nghiệp Tây Âu, cụ thể là sự gia tăng sử dụng máy kéo (trac-

tor). Tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu về chuyện đời của 17 nam và 19 nữ từ 36 gia đình để tìm hiểu xem công nghệ nông nghiệp (máy kéo) đã được sử dụng như là biểu trưng quyền lực của nam giới đối với phụ nữ như thế nào, cũng như cách thức để nam giới kiến tạo một không gian dành riêng cho mình ra sao.

Hầu hết những người được phỏng vấn đều nói máy kéo đã làm cho nhiệm vụ nhà nông trở nên đơn giản hơn, và công việc của vợ các ông chủ nông trại cũng nhẹ nhàng hơn, vì họ không còn phải khó nhọc trên đồng nữa. Trong cộng đồng cư dân địa phương có cái mà nhà nghiên cứu gọi là “ngôn từ kép” (double discourse). Một mặt, các chủ nông trại được phỏng vấn đều nói rằng lái máy kéo không khó đối với cả nam lẫn nữ. Nhưng mặt khác, người ta cho rằng chủ yếu nam giới là người lái, vì lái máy kéo khó hơn đối với phụ nữ. Ví dụ một chủ nông trại tên là Firmin (sinh năm 1957) nói: “Để lái một chiếc máy kéo, những phụ nữ làm việc đó là có tài ngang với nam giới, quý vị không thấy bà nào làm việc đó vì nó rất nặng. Một phụ nữ thường có chồng làm cho, trừ phi một phụ nữ làm việc đồng còn chồng bà làm việc khác, không còn ai thay thế ở đây” (Saugeres, 2002:150).

Thật ra, việc đơn giản hóa nông nghiệp nhờ cơ giới hóa nó lẽ ra đã có thể cho phép phụ nữ làm nhiều việc đồng áng hơn. Nhưng thực tế đã không diễn ra như vậy. Trái lại, rất ít phụ nữ lái máy kéo; số người có lái thì bị nhìn nhận và đánh giá rất sai lệch. Một phụ nữ lái máy kéo hoặc là không được tính tới, hoặc là được biện luận rằng đó là do không có ai là nam giới làm thay, hoặc được lý giải bằng nhu cầu phụ nữ thỉnh thoảng muốn giúp chồng mình. Thêm nữa, nhiều bà vợ của các chủ nông trại xuất thân từ các gia đình phi nông nghiệp và chỉ tham gia việc đồng vì họ kết hôn với nhà nông; vài người trong số này nói rằng họ sợ lái máy kéo, mặc dù họ đã thử làm điều đó. Số lượng rất nhỏ những phụ nữ lái máy kéo và cày ruộng đã xác nhận và củng cố quan niệm trên.

Do vậy, cơ giới hóa nông nghiệp đã dẫn tới loại trừ phụ nữ ra khỏi sản xuất. Vì làm việc với ruộng đất là trung tâm của nhà nông, mà phụ nữ thì bị loại ra khỏi không gian vốn được coi là của nam giới này, nên đóng góp của những người vợ trở nên vô hình và bị coi nhẹ. Tất cả những người được phỏng vấn đều nói công việc nông nghiệp của phụ nữ đã “hết”.

Câu hỏi đặt ra là vì sao phụ nữ không lái máy kéo, hoặc với số ít ỏi có lái nó thì do nguyên nhân gì họ bị nhìn nhận không đúng?

Có thể đưa ra hai lý do. Thứ nhất, theo truyền thống, kỹ thuật và công nghệ được coi như lĩnh vực dành cho nam giới và là độc quyền của nam

giới. Như vậy, người ta coi máy kéo là một biểu trưng cho sức mạnh thể chất của nam giới. Theo hệ tư tưởng giới đang thịnh hành, người ta quan niệm rằng các cậu bé có xu hướng tự nhiên là bị sức thu hút của công nghệ và máy móc; con trai nhà nông đương nhiên chịu sự thu hút của máy móc nông nghiệp, còn con gái thì bị coi là không có sở thích bẩm sinh đối với máy móc. Chính vì thế, hầu hết các cô gái được phỏng vấn đều hiếm khi đòi lái máy kéo vì họ không bao giờ coi đó là sự lựa chọn cho họ. Không ai kỳ vọng họ làm điều đó. Một chủ nông trại sinh năm 1965 tên là Daniel nói rằng ông không khuyến khích con gái mình làm chủ việc đồng vì “...đó không phải công việc của phụ nữ, hay nếu nó có một anh chồng thích nó làm việc đó, thì được, bằng không thì không đáng. Một phụ nữ vắt sữa bò hay việc gì tương tự như thế thì được, chứ làm việc trên đồng, cày ruộng rất khó nhọc, máy kéo rất nặng, đó không phải cho phụ nữ” (Saugeres, 2002:150). Vậy là sinh thể phụ nữ được người ta dùng để lý giải vì sao phụ nữ không thể làm việc với máy kéo và cày ruộng như nam giới.

Thứ hai, kể từ khi máy kéo xuất hiện, nam giới đã chủ động xúc tiến những nỗ lực để kiến tạo nó như một lãnh địa của riêng mình. Ngay khi có phụ nữ lái máy kéo, và nếu điều đó được thừa nhận, thì nam giới vẫn tìm được cách để chứng minh rằng phụ nữ không thể lái giống như nam. Một ông bố nói với con trai về cô con gái biết lái máy kéo của mình: “... nhưng ngay cả khi nó đến đây, nó đều ngồi lên máy kéo và lái đi, nhưng khi nhìn số, cách các số vận hành ra sao thì nó không biết” (Saugeres, 2002:151). Dù thừa nhận con gái và đồng thời là chị gái đã lái máy kéo rất dễ dàng, hai người đàn ông này vẫn nhấn mạnh rằng người phụ nữ ấy không có kiến thức về kỹ thuật, và chị không quan tâm đến khía cạnh cơ giới của việc lái máy kéo. Rõ ràng người ta nói điều đó vì đây là một phụ nữ. Chỉ nam giới, chứ không phải phụ nữ, mới được coi là có thiên hướng kỹ thuật và hiểu được sự vận hành của máy móc. Việc phụ nữ sử dụng kỹ thuật không đe dọa nam tính chừng nào phụ nữ không mở mang kiến thức về công nghệ. “Do đó, với sự phát triển của cơ giới hóa, chiếc máy kéo đã trở thành một khía cạnh canh nông quan trọng. Nó quan trọng không chỉ vì nó được sử dụng để làm đất, một không gian được coi là của nam giới, mà còn vì nó cũng là biểu trưng cho sản xuất mang nam tính, không đơn giản chỉ là sản xuất kinh tế, mà cả sản xuất bản sắc nam tính” (Saugeres, 2002:151).

Nam giới tin rằng một phụ nữ chỉ có thể làm nông với tư cách là trợ thủ cho chồng, chứ không thể tự làm riêng. Điều này hàm nghĩa rằng vì cày ruộng và làm việc với máy móc là một phần trong bản sắc nam giới của

nhà nông, nên phụ nữ phải bị gạt ra khỏi không gian này cả trên lời nói lẫn thực tế. “Do vậy nhà nông xây dựng bản sắc của mình cả trong quan hệ với phụ nữ và tự nhiên lẫn đối lập với phụ nữ và tự nhiên” (Saugeres, 2002:151).

Tuy nhiên, trong con mắt của nhiều người dân địa phương, việc chấm dứt công việc đồng áng của phụ nữ được coi là hậu quả của cơ giới hoá, chứ không phải hậu quả của việc nam giới chiếm đoạt công việc của phụ nữ trên cánh đồng.

Mặc dù vậy, cuộc nghiên cứu cũng cho thấy một số phụ nữ không cam chịu bị gạt ra khỏi không gian của nam giới. Họ đã tìm cách kháng cự lại thông qua việc tự mình lái máy kéo. Chúng ta hãy xem xét chiếc máy kéo với tư cách là nơi chốn của sự thống trị và kháng cự như thế nào thông qua hai tình huống sau đây.

Trường hợp thứ nhất, mỗi người trong một cặp vợ chồng kể một câu chuyện về một sự vụ trong đó chị nắm quyền điều khiển máy kéo. Trường hợp thứ hai, một phụ nữ canh nông có chồng kể chuyện mình đã thử dùng máy kéo để kiến tạo một không gian riêng cho mình như thế nào.

Câu chuyện của Michelle và Arnaud

Michelle là con gái nhà nông, và kết hôn với Arnaud, một anh thợ điện vốn sống ở thành phố và chỉ về nông thôn với trang trại của ông bà mình tại vùng Rignac vào dịp ngày nghỉ. Michelle thừa kế quyền làm chủ trang trại từ mẹ mình, nhưng Arnaud mới chính thức là chủ trang trại, vì đây là tập tục thời ấy. Theo lời chị kể (khi anh chồng không có mặt), thì “lúc đầu vì không phải là một nhà nông, mọi việc không hề dễ dàng với anh ấy. Anh ấy không biết gì về canh tác, thậm chí không hề biết máy kéo hoạt động như thế nào. Và có một câu chuyện như sau, xảy ra từ hồi đầu, chúng tôi có một chiếc máy kéo cũ này, nó không hoạt động bình thường như các máy khác, và anh ấy không làm sao khởi động được nó, nên tôi nói, “để đấy”. Rồi tôi trèo lên và khởi động được nó ngay lập tức. Chà, lúc ấy tôi không nhận ra rằng anh ấy thực sự bị thương tổn vì điều đó, chắc hẳn rút cục anh ấy là người rất ý thức được về nam tính của mình. Tôi nghĩ tôi thật không tâm lý, và điều khiến tình hình thêm tồi tệ là tôi hẳn đã nói một câu gì đó đại loại như, “Gớm, anh chẳng biết anh đang làm gì, hãy để đấy cho tôi”.

Còn theo lời kể của Arnaud (khi ấy Michelle đang có mặt, nhưng anh không biết rằng chị đã kể câu chuyện này rồi), thì sự thể như sau: “Lúc đầu chính máy kéo là thứ tôi không sao khởi động được, quý vị biết máy kéo đấy, nó giống như một chiếc xe con, nếu quý vị không vào đúng

số của nó, nó không chạy. Thế, tôi vào thẳng số 5, nên nó chết máy, nó không muốn chạy, nên cô ấy nhảy lên, cô ấy đẩy tôi ra khỏi buồng lái và nói ‘ra đi, anh chẳng biết anh đang làm gì’. Rồi cô ấy trèo vào, và khởi động được ngay lập tức. Chà, việc đó thực sự tác động đến tôi, nhất là quý vị biết rằng nam giới thích thấy mình hơn vợ một chút, ô không hơn nhưng quý vị biết đấy, và chúng tôi cũng vừa mới cưới nhau, điều đó khiến tôi bị tổn thương, tôi vẫn nhớ điều ấy”.

Thật thú vị khi so sánh hai cách nhìn của hai người, hai giới về cùng một sự kiện, hay nói khác đi, hai dị bản của cùng một câu chuyện. Michelle nói rằng anh không biết sử dụng một chiếc máy kéo như thế nào, và không biết gì về canh tác nói chung, “chẳng biết anh đang làm gì”. Còn Arnauld mở đầu câu chuyện từ lời lý giải rằng anh đã nhầm khi vào số sai, do đó chiếc máy kéo “không muốn chạy”. Theo cách kể của anh, đó là một sai lầm có thể xảy ra với bất cứ ai, và càng dễ xảy ra với người mới làm nông. “Trong dị bản câu chuyện của anh, nó là một nhầm lẫn, trong khi đó ở dị bản của chị, anh ấy không thông thạo. Điều này khiến anh bực mình vì anh đã để lộ rằng mình không thông thạo, và điều ấy được cắt nghĩa như là không thông thạo cả với tư cách nam giới lẫn với tư cách một chủ nông trại. Do đó, anh không thể nói rằng việc anh không khởi động được chiếc máy kéo là dấu hiệu về sự không thông thạo, mà anh phải biện minh cho nó bằng cách nói rằng đấy chỉ là một sai lầm vốn có thể xảy ra với những chiếc xe nữa” (Saugeres, 2002:153).

Như Saugeres đã nhận xét, trong câu chuyện này, vai trò truyền thống của nam và nữ đã bị đảo ngược. Thường thì nam giới là chủ nông trại, nhưng ở đây, chủ đích thực của nông trại lại là nữ. Là chủ nông trại, nam giới không chỉ hiểu biết nhiều về canh nông, mà cả về máy kéo. Thế mà ở đây, phụ nữ hiểu biết hơn nam giới, và phải khởi động máy kéo. Người ta kỳ vọng nam giới khẳng định mình và hùng hổ, còn phụ nữ phục tùng và thụ động. Thế mà ở đây phụ nữ khẳng định mình và hùng hổ, còn nam giới thụ động. “Không phải ngẫu nhiên mà cả hai người đều nhớ sự cố này vốn xảy ra khoảng 15-20 năm trước và chọn kể cùng một câu chuyện. Không phải ngẫu nhiên mà sự cố này xoay quanh chiếc máy kéo, và chính xác hơn là việc Arnauld không khởi động nổi một chiếc máy kéo, và thái độ thống lĩnh của chị khi chị nắm quyền kiểm soát. Anh bị “tổn thương” vì quyền lực giữa nam và nữ đã bị đảo ngược” (2002:152-153). Sự đảo ngược tình thế này hé lộ cho thấy: đối với các chủ nông trại, máy kéo là biểu trưng quyền lực nam giới.

Như vậy, chiếc máy kéo là biểu trưng của quyền lực và sự thống trị của

nam giới đối với phụ nữ. Song chiếc máy kéo cũng có thể được phụ nữ sử dụng làm khoảng không gian để tranh chấp quyền lực của nam giới. Bằng việc đẩy Arnauld ra khỏi máy kéo, và chỉ ra cho anh thấy rằng anh không thông thạo trong khi chị thì thành thạo, Michelle đã tranh chấp quyền lực nam giới. Chị tranh chấp quyền lực nam giới bằng cách để anh biết rằng mặc dù về mặt chính thức thì anh là chủ nông trại, nhưng chị là người làm nông trại trong thực tiễn hàng ngày. Nói cách khác, chị chứng minh để anh biết rằng chị kiểm soát nông trại bằng việc kiểm soát chiếc máy kéo (Saugeres, 2002:153).

Câu chuyện của Cathy

Cathy sinh năm 1966 và không xuất thân từ con nhà nông. Chị làm nông với chồng, nhưng chủ yếu là vắt sữa bò. Chị cũng tranh chấp quyền lực của nam giới thông qua chiếc máy kéo, nhưng theo một cách khác hẳn. Chị kể: “Tôi không phải làm đất, nhưng tôi thích làm. Tôi đã bảo anh ấy (tức chồng chị) rằng tôi muốn học làm đất. Ồ tôi biết lái máy kéo, nhưng tôi còn thích học những việc nhất định nữa như là khi anh ấy cắt gặt, khi anh ấy đánh lúa thành đống tròn, khi anh ấy cày, ồ nhưng đúng là anh ấy chẳng bao giờ có thì giờ để dạy tôi... anh ấy luôn luôn vội vã, anh ấy chẳng bao giờ có tính kiên trì, nên tôi phải tự học. [...] Lần gần đây chúng tôi đi dựng hàng rào điện vì ngày hôm sau chúng tôi sẽ đưa đàn bò trở lại, ồ anh ấy bảo tôi, “Em đi đâu mà nhanh thế?”, tôi bảo anh ấy, “Em muốn lái chiếc máy kéo của em”. Vậy là tôi đi dựng hàng rào lên rồi quay về...” (Saugeres, 2002:154).

Rõ ràng Cathy không tuân thủ hệ tư tưởng thịnh hành về giới. Nhiều phụ nữ khác rất hạnh phúc rằng khâu làm đất đã có chồng đảm nhiệm vì đây là công việc của nam giới, và là một phần của trật tự tự nhiên. Nhưng Cathy bị người ta coi là đe dọa trật tự ấy vì chị không tuân theo hệ tư tưởng này: chị không nghĩ rằng việc làm đất và lái máy kéo chỉ là công việc của chồng, mà muốn tham gia vào quá trình ấy. Chị không dừng lại ở những việc thường bị coi là hợp với nữ, mà còn muốn nhiều hơn là làm vợ làm mẹ. Việc chồng chị không “có tính kiên trì”, hay không “có thì giờ để dạy” chị làm đất có thể hàm ý rằng anh cưỡng lại việc dạy cho chị biết vai trò của anh, và điều gì được anh coi đương nhiên là không gian của nam giới. Dù anh không quyết liệt chống lại việc dạy chị, nhưng anh có vẻ không thực sự hiểu vì sao chị lại muốn làm đất khi đã có anh làm việc đó. Điều này cũng toát lên từ lời kể của chị rằng anh đã hỏi chị “Em đi đâu mà nhanh thế?”. Xem ra anh rất ngạc nhiên khi thấy chị chạy băng băng đến lái chiếc máy kéo.

Như tác giả bài viết đã phân tích, vì người chồng không chịu dạy chị cách làm đất, và vì chiếc máy kéo thường là không gian của anh, nên cách duy nhất để chị chiếm lĩnh không gian này là tự khẳng định mình bằng việc lái nó “bất cứ khi nào chị có thể lái”. Chị tự khẳng định mình không chỉ bằng việc lái máy kéo mà còn bằng cách giành quyền lái cho mình (đi thật nhanh để đến được với chiếc máy kéo trước chồng). Chỉ vì anh hỏi chị đi đâu nên chị mới hé lộ cho anh biết điều đó, nhưng bằng một giọng nói mạnh mẽ và quả quyết: “Em muốn lái chiếc máy kéo của em”. Việc sử dụng đại từ sở hữu thật thú vị: “chiếc máy kéo của em”. Chị muốn nêu rõ rằng đó không chỉ là lĩnh vực riêng của chồng chị, mà cũng còn là của chị. Nó trở thành máy kéo của chị vì chị nắm quyền điều khiển nó. “Cũng tại đây, chiếc máy kéo với tư cách biểu trưng cho quyền lực nam giới đã hoá thành một đồ vật để thông qua đó người phụ nữ có thể đảo ngược các vai trò giới mà người ta vẫn kỳ vọng, và tranh chấp quyền lực của nam giới” (Saugeres, 2002:155).

Nhà nghiên cứu Pháp kết luận: “Như chúng ta đã thấy, mặc dù công nghệ nông nghiệp đã và đang bị sử dụng để loại trừ và gạt phụ nữ ra ngoài lề việc canh nông, chứ không cho phép họ làm những công việc bớt nặng nhọc hơn trên cánh đồng, nhưng công nghệ này cũng trở thành một biểu trưng mà phụ nữ có thể nắm lấy để tranh chấp quyền lực và sự thống trị của nam giới, cũng như để lay chuyển tình trạng hiện có là kiến tạo công việc canh nông thành không gian riêng của nam giới” (Saugeres, 2002:156).

3. Nhận xét

Qua hai nghiên cứu được giới thiệu ở trên, chúng ta có thể rút ra mấy nhận xét sau đây:

- Về mặt *phương pháp thu thập thông tin*, hai nghiên cứu đều sử dụng cách tiếp cận định tính. Hơn thế nữa, họ tận dụng những nguồn dữ liệu mà nhiều nhà xã hội học Việt Nam không những chưa bao giờ khai thác mà thậm chí có thể còn coi là không thích hợp để sử dụng (chuyện đời, bài dự thi về tiểu sử tự thuật, quảng cáo tìm bạn, v.v.).

Đối với phỏng vấn sâu, các nhà xã hội học châu Âu tuân thủ nghiêm ngặt yêu cầu hỏi riêng từng giới trong gia đình. Nhờ thế, người phỏng vấn mới có thể phát hiện ra hai dị bản của cùng một câu chuyện kể về một sự kiện xảy ra đã lâu trong quá khứ, qua đó thấy rõ nhãn quan giới đã chi phối và tạo ra sự khác biệt giới rất tinh tế của câu chuyện (trường hợp Michelle và Arnauld trong nghiên cứu của Saugeres ở Pháp: người chồng

coi việc mình không khởi động được chiếc máy kéo là do sai lầm khi vào số; còn người vợ coi đó là dấu hiệu chứng tỏ anh không thông thạo máy móc). Sự tình tế này khó có thể đạt được nếu sử dụng các phương pháp khác. Ví dụ này là một bằng chứng mới xác nhận và khẳng định luận điểm nổi tiếng của Jessie Bernard rằng trong mỗi liên minh hôn nhân đều có hai cuộc hôn nhân: của chồng và của vợ (nghĩa là tuy trong cùng một cuộc hôn nhân nhưng nam và nữ có cách nhìn khác nhau về nó).

- Về mặt lý thuyết, các nghiên cứu đều dựa trên nền tảng lý luận vững chắc, và có những xử lý lý thuyết sâu sắc. Như chúng ta đã thấy, nghiên cứu của Tiina Silvasti đã đi đến những kết luận thú vị về lý thuyết: hiện đại hóa nông nghiệp không nhất thiết biến đổi quan hệ giới, và không tự nó cải thiện vị thế phụ nữ. Truyền thống không mất đi trong quá trình hiện đại hóa, mà được cải biên, chỉnh sửa.

Còn cuộc nghiên cứu của Saugeres không dừng ở những mô tả thực nghiệm về tác động của công nghệ nông nghiệp đến quan hệ giới, mà còn đi đến những khái quát lý thuyết sâu xa.

Thứ nhất, trong khi nhiều người thường cho rằng tiến bộ kỹ thuật là trung tính về mặt giới (theo nghĩa nó hữu ích cho tất cả mọi người, và ai cũng có thể hưởng lợi từ nó, bất kể giới của họ), thì nghiên cứu này cung cấp thêm bằng chứng để xác nhận rằng tiến bộ kỹ thuật không hề trung tính về mặt giới. Trái lại, nó mang giới tính rất rõ rệt. Như một số học giả đã vạch rõ, giống như sức mạnh thể chất và kỹ năng làm việc mà nó thay thế, công nghệ không phải thứ công cụ lao động trung tính, mà là một nguồn gốc sinh ra quyền lực. Suốt trong lịch sử, nam giới đã tạo dựng được và duy trì quan hệ gắn gũi với công nghệ theo hướng loại trừ phụ nữ ra. Điều này cũng đúng với những người chủ nông trại đã cơ giới hóa nông nghiệp, và coi việc vận hành máy móc là một hoạt động nữa của nam giới mà phụ nữ bị gạt ra.

Thứ hai, tác giả đã đi sâu phân tích và tìm ra ý nghĩa biểu trưng của chiếc máy kéo dưới góc độ quan hệ giới. Nó không chỉ là một thành tựu kỹ thuật hiện đại, một nông cụ bình thường, mà còn được nam giới coi là lãnh địa riêng, không gian riêng của mình. Hơn thế nữa, nó biểu trưng cho nam tính. Nó không đơn giản sản xuất kinh tế, mà còn sản xuất cả bản sắc nam. Cuộc nghiên cứu này cho thấy việc áp dụng công nghệ nông nghiệp đã tạo ra một không gian nam giới, và không gian này loại trừ phụ nữ ra khỏi trung tâm của sản xuất nông nghiệp. Trước đó, trong quá khứ, phụ nữ làm những công việc đồng áng nhất định, nhưng với sự xuất hiện của máy móc, bây giờ họ chỉ quanh quẩn ở nhà. Sự tự nhiên hóa năng lực của nam

và nữ đã biện minh cho và tăng cường việc loại bỏ phụ nữ khỏi công nghệ nông nghiệp và do đó, khỏi những khâu được coi là cơ bản trong canh tác. Bằng thứ ngôn từ nhấn mạnh sức khỏe thể chất và khả năng bẩm sinh tự nhiên đối với công nghệ – hai phẩm chất cơ bản để là một nhà nông – người ta đã duy trì vững chắc ranh giới bao quanh cái không gian được coi là độc quyền của nam giới này. Vì người ta cho rằng chỉ nam giới mới có những đặc tính ấy, nên tình hình này được quan niệm là một phần tự nhiên không tránh khỏi, và không thể thay đổi được. Tuy nhiên thực tế này đang bị rung chuyển.

Thứ ba, cuộc nghiên cứu cho thấy tuy nam giới cố níu giữ công nghệ nông nghiệp làm không gian riêng, độc quyền của mình bằng việc đẩy phụ nữ ra ngoài lề công việc nhà nông, qua đó hạ thấp cống hiến và vị thế của nữ, nhưng một số phụ nữ đã không cam chịu bị gạt ra lề. Họ không thụ động, mà chủ động đấu tranh tự khẳng định mình, tự mình lái máy kéo, và từ đó tranh chấp khoảng không gian quyền lực của nam giới. Nghiên cứu này đã thêm một bằng chứng thực nghiệm nữa để chứng minh hùng hồn cho luận đề lý thuyết xã hội học về quan hệ giữa cấu trúc xã hội mang tính khách quan với vai trò chủ quan của nhân tố con người, theo đó dù bị cấu trúc xã hội chi phối, song con người vẫn có sự chủ động tích cực ở mức độ nhất định, chứ không bó tay cam chịu là sản phẩm thụ động của hoàn cảnh, và thậm chí còn có khả năng thay đổi hoàn cảnh (Scott & Marshall, 2005:3-4, 9-10; Turner, 2006:15-17).

Hi vọng rằng một vài ví dụ về những nghiên cứu quan hệ giới ở nông thôn châu Âu trên đây có thể cung cấp những suy ngẫm và bài học bổ ích cho Việt Nam. ■

Tài liệu tham khảo

- Saugeres, Lise. 2002. "Of tractors and men: masculinity, technology and power in a French farming community". *Sociologia ruralis*, Vol. 42, N. 2.
- Scott, J. & Marshall, G. 2005. *A dictionary of sociology*. Third edition. Oxford: Oxford university press.
- Silvasti, Tiina. 2003. "Bending borders of gendered labour division on farms: the case of Finland". *Sociologia ruralis*, Vol. 43, N. 2.
- Turner, B. (chủ biên). 2006. *The Cambridge dictionary of sociology*. Cambridge: Cambridge university press.